

Số: 25

Ngày 03/7/2023

Bản tin hàng tuần  
ra ngày thứ Hai

# VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin số 25 xin giới thiệu với các đơn vị một số quy định của pháp luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2023:

Tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng từ 12,5% lên 20,8%, theo quy định tại Nghị định 42/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Nghị định 39/2023/NĐ-CP quy định Đấu giá biển số xe ô tô được thực hiện bằng hình thức trực tuyến trên môi trường mạng. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định số lượng biển số xe ô tô đưa ra đấu giá tại mỗi phiên đấu giá.

Nghị định 41/2023/NĐ-CP quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước bằng 50% mức thu quy định tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

# VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

## 1. TỪ NGÀY 01/7/2023, ĐẤU GIÁ BIÊN SỐ XE Ô TÔ ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Nghị định 39/2023/NĐ-CP, ngày 26/6/2023 quy định chi tiết một số điều Nghị quyết 73/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về thí điểm đấu giá biên số xe ô tô quy định: cuộc đấu giá biên số xe ô tô là toàn bộ quá trình đấu giá đối với một biên số xe ô tô. Người tham gia đấu giá là tổ chức, cá nhân người Việt Nam có đủ điều kiện tham gia đấu giá biên số xe ô tô theo quy định của pháp luật. Người trúng đấu giá là người tham gia đấu giá trực tuyến biên số xe ô tô có mức trả giá cao nhất so với giá khởi điểm hoặc bằng giá khởi điểm theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 73/2022/QH15.

Bộ trưởng Bộ Công an quyết định số lượng biên số xe ô tô đưa ra đấu giá tại mỗi phiên đấu giá gồm biên số xe ô tô của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ký hiệu sê ri: A, B, C, D, E, F, G, H, K, L, M, N, P, S, T, U, V, X, Y, Z nền màu trắng, chữ, số màu đen: Chưa được đăng ký; dự kiến cấp mới; đang trong trong Hệ thống đăng ký, quản lý xe của Bộ Công an; phê duyệt kế hoạch tổ chức đấu giá biên số xe ô tô cho từng phiên đấu giá, bao gồm: danh sách biên số xe ô tô đưa ra đấu giá; giá khởi điểm, bước giá và tiền đặt trước; hình thức, phương thức tổ chức đấu giá; thời gian tổ chức đấu giá... và thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công an trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

Người tham gia đấu giá được cấp một tài khoản truy cập, được hướng dẫn về cách sử dụng tài khoản, cách trả giá và các nội dung khác trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến để thực hiện việc đấu giá; được lựa chọn biên số xe ô tô theo nhu cầu trong danh sách biên số xe ô tô đưa ra đấu giá của tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên toàn quốc để tham gia đấu giá nhưng phải nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước của biên số xe ô tô đã lựa chọn tham gia đấu giá vào tài khoản của tổ chức đấu giá tài sản và được cấp mã số tham gia đấu giá của cuộc đấu giá biên số xe ô tô đó. Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm tiếp nhận thông tin đăng ký tham gia đấu giá và tiền đặt trước liên tục kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến trước thời điểm tổ chức đấu giá 03 ngày. Tại thời điểm kết thúc cuộc đấu giá trực tuyến, Trang thông tin đấu giá trực tuyến xác định người trúng đấu giá, thông báo kết quả cuộc đấu giá, hiển thị biên bản đấu giá để người trúng đấu giá xác nhận, gửi vào hòm thư điện tử của người tham gia đấu giá đã đăng ký với tổ chức đấu giá tài sản. Đấu giá viên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện cuộc đấu giá trực tuyến, xác thực vào biên bản đấu giá bằng chữ ký số để gửi cho người trúng đấu giá. Bộ Công an phân công cán bộ theo dõi, giám sát quá trình tổ chức đấu giá: số lượng đấu giá viên, số lượng người tham gia đấu giá, kết quả đấu giá và các vấn đề khác có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu

giá, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá từ tổ chức đấu giá tài sản, Bộ Công an ban hành văn bản phê duyệt kết quả đấu giá và gửi thông báo kết quả trúng đấu giá biển số xe ô tô vào hòm thư điện tử và gửi tin nhắn thông báo tới số điện thoại đã đăng ký tại tài khoản truy cập cho người trúng đấu giá ngay sau khi phê duyệt kết quả đấu giá; thông báo kết quả trúng đấu giá biển số xe ô tô thay thế hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc hợp đồng bán tài sản nhà nước. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả đấu giá, người trúng đấu giá phải nộp toàn bộ tiền trúng đấu giá sau khi đã trừ số tiền đặt trước vào tài khoản chuyên thu của Bộ Công an mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tiền trúng đấu giá không bao gồm lệ phí đăng ký xe.

Thông báo kết quả trúng đấu giá, văn bản xác nhận biển số xe ô tô trúng đấu giá bị huỷ trong các trường hợp người trúng đấu giá không nộp đủ tiền trúng đấu giá trong thời hạn quy định hoặc không làm thủ tục đăng ký biển số xe ô tô trúng đấu giá theo quy định; vi phạm về tính trung thực của hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá...

## **2. QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN**

Nghị định 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định Quỹ Hỗ trợ nông dân (Quỹ) thuộc Hội Nông dân Việt Nam là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc cơ quan Hội Nông dân các cấp; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển

vốn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này. Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Người quản lý là Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý khác, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn; chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Mục tiêu hỗ trợ hội viên Hội Nông dân Việt Nam xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân; tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

Ngoài các quy định chung, Nghị định quy định cụ thể việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ đã thành lập trước ngày 8/8/2023, trong đó quy định rõ trường hợp Quỹ hoạt động không hiệu quả, có thể thực hiện giải thể, chia tách, sáp nhập theo quy định tại Nghị định này. Việc thành lập mới Quỹ tại các địa phương trước ngày 8/8/2023 phải được lập thành đề án nêu rõ mục tiêu, sự cần thiết và tính khả thi của việc thành lập Quỹ; nhu cầu hỗ trợ

nông dân tại địa phương, quy mô, phạm vi hoạt động và tác động của việc thành lập Quỹ đến phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; phương án hoạt động của Quỹ chứng minh Quỹ có khả năng tài chính độc lập, có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm Hội đồng quản lý, bn Kiểm soát, Ban điều hành và bộ máy giúp việc.

Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của của Hội đồng quản lý và của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ...thực hiện theo quy định cụ thể tại Nghị định này.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 08/8/2023.

### **3. GIẢM 50% LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ VỚI Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP TRONG NƯỚC**

Ngày 28/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 41/2023/NĐ-CP quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước.

Cụ thể, từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức thu lệ phí trước bạ bằng 50% mức thu quy định tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ; các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các

văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Từ ngày 01/01/2024 trở đi, mức thu lệ phí trước bạ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ; các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

### **4. TĂNG LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ 01/7/2023**

Đây là nội dung đáng chú ý mới được Chính phủ ban hành tại Nghị định 42/2023/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng ngày 29/6/2023.

Theo đó, 09 nhóm đối tượng được tăng lương hưu, trợ cấp từ 01/7/2023 gồm: Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định 41/2009/QĐ-TTg); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng; cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị định 121/2003/NĐ-CP, Nghị định 09/1998/NĐ-CP; quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg

(được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 38/2010/QĐ-TTg); người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng...

Mức tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng từ 12,5 - 20,8%: Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng của tháng 6/2023 đối với các đối tượng quy định đã được điều chỉnh theo Nghị định 108/2021/NĐ-CP; tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng của tháng 6/2023 đối với các đối tượng quy định chưa được điều chỉnh theo Nghị định 108/2021/NĐ-CP; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hàng tháng theo quy định, sau khi điều chỉnh có mức hưởng thấp hơn 03 triệu đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau: Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 2,7 triệu đồng/người/tháng. Tăng lên bằng 03 triệu đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 2,7 triệu đồng/người/tháng đến dưới 03 triệu đồng/người/tháng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14/8/2023.

Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/7/2023.

#### **5. GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ NHÓM HÀNG HOÁ TỪ NGÀY 01/7/2023**

Ngày 30/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 44/2023/NĐ-CP

quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội.

Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%.

03 nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế giá trị gia tăng: Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất; sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin.

Giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% đến hết năm 2023, cụ thể: Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ; cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

### **VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

## **6. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

Ngày 22/6/2023, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Thông tư số 10/2023/TT-BGTVT ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

Theo đó, định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa được xác định trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa bao gồm: Mã hiệu, tên công tác, đơn vị tính, thành phần công việc, quy định áp dụng và bảng các hao phí định mức; trong đó: Thành phần công việc: quy định nội dung các bước công việc từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

Bảng các hao phí định mức gồm: Mức hao phí vật liệu; mức hao phí nhân công; mức hao phí máy thi công

Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, gồm: Công tác quản lý đường thủy nội địa; công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; công tác đặc thù trong quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2023.

## **7. QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ TRONG LĨNH VỰC DƯỢC, MỸ PHẨM**

Ngày 12/6/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 41/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.

Cụ thể, phí thẩm định cấp giấy phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm: từ 500.000 đồng - 11.000.000 đồng. Trong đó: Phí thẩm định cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc (trừ vị thuốc cổ truyền) 11.000.000 đồng/hồ sơ; phí thẩm định cấp giấy đăng ký lưu hành nguyên liệu làm thuốc, vị thuốc cổ truyền 5.500.000 đồng/hồ sơ; phí thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam (trừ một số trường hợp): 1.200.000 đồng/mặt hàng

Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực dược, mỹ phẩm: từ 200.000 đồng - 30.000.000 đồng. Một số loại phí cụ thể như sau: Phí thẩm định hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề dược (Cấp, cấp lại, điều chỉnh nội dung chứng chỉ hành nghề dược): 500.000 đồng/hồ sơ; phí thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất bao bì dược phẩm tại cơ sở: 30.000.000 đồng/cơ sở

Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Riêng tổ chức thu phí là cơ quan Nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí được để lại 70% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo

quy định và nộp 30% số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/8/2023.

#### **8. BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHI KÊ KHAI THÔNG TIN VÀ XUẤT TRÌNH GIẤY TỜ KHI THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

Ngày 27/6/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 43/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung hồ sơ miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở đối với hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: Cơ quan thuế có trách nhiệm khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định để xác định nơi thường trú của hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương thuộc vùng có đất ở được miễn, giảm tiền sử dụng đất; trường hợp không thể khai thác được thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan thuế yêu cầu cung cấp bản sao Xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bổ sung giấy tờ chứng minh tài sản hoặc chủ tài sản trong hồ sơ miễn lệ phí trước bạ đối với trường hợp chứng minh mối quan hệ trong

gia đình như sau: Cơ quan thuế có trách nhiệm khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định để giải quyết thủ tục miễn lệ phí trước bạ cho người nộp thuế. Trường hợp không thể khai thác thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì người nộp thuế cung cấp một trong các giấy tờ sau tùy theo mối quan hệ: Xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về mối quan hệ đó.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 27/6/2023.

#### **9. TỪ 01/7 ĐẾN 31/12/2023, GIẢM 36 KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ NHẪM HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP**

Ngày 29/6/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 44/2023/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Theo đó, từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, giảm mức thu từ 10% - 50% đối với 36 khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Cụ thể: Giảm 10% mức thu phí trong công tác an toàn thực phẩm quy định tại Thông tư 67/2021/TT-BTC; giảm 20% mức thu phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan Trung ương thực hiện quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTC; giảm 30% mức

thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường quy định tại Thông tư số 22/2020/TT-BTC; giảm 50% mức thu lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng; lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại Thông tư số 150/2016/TT-BTC; giảm 50% mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng quy định tại Thông tư 28/2023/TT-BTC ...

Đối với phí sử dụng tần số vô tuyến điện, trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp phí theo mức phí quy định tại Thông tư số 265/2016/TT-

BTC và Thông tư số 11/2022/TT-BTC cho khoảng thời gian có hiệu lực của Thông tư này, tổ chức, cá nhân sẽ được bù trừ số tiền phí chênh lệch giữa mức phí theo quy định tại Thông tư số 265/2016/TT-BTC và Thông tư số 11/2022/TT-BTC với mức phí theo quy định tại Thông tư này vào số phí phải nộp của kỳ nộp phí tiếp theo.

Tổ chức thu phí chịu trách nhiệm tính bù trừ tiền cho tổ chức, cá nhân vào kỳ nộp phí tiếp theo. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

## VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

### ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

Sau hơn 14 năm thực hiện, Luật Tương trợ tư pháp (Luật TTTP) đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác với nước ngoài về TTTP trong cả 4 lĩnh vực: dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Nhằm hoàn thiện pháp luật TTTP về dân sự theo hướng hiện đại, khả thi, thúc đẩy hợp tác quốc tế, hỗ trợ quy trình giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và vụ án hành chính được nhanh chóng, chính xác, hiệu quả; giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng có liên quan, tăng cường khả năng thực hiện quyền tiếp cận công lý của người dân; Bộ Tư pháp đang đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự.

Theo đề cương, Luật TTTP về dân sự quy định nguyên tắc, thẩm

quyền, trình tự, thủ tục thực hiện TTTP về dân sự và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong hoạt động TTTP về dân sự; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động TTTP về dân sự với Việt Nam. Về nguyên tắc, dự thảo sẽ kế thừa Điều 4 Luật TTTP năm 2007 và đề xuất bổ sung cơ quan có thẩm quyền Việt Nam có thể từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho nước ngoài trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài khi có căn cứ cho thấy phía nước ngoài không thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho Việt Nam.

Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam là Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao; Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tối



cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật. Quy định việc thông báo kết quả thực hiện đối với ủy thác tư pháp thực hiện bằng bản giấy và thực hiện bằng phương thức điện tử. Việc theo dõi và thông báo tiến độ thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền theo dõi trên hệ thống phần mềm ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp (đã phân quyền truy cập cho các cơ quan lập hồ sơ).

Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan. Các chi phí thực tế phát sinh trong nước do người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam thanh toán trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ. Đối với chi phí thực tế do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thu, trường hợp chi phí thực tế đã xác định được theo quy định của phía nước ngoài tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam lập hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam thông báo người có

nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam thanh toán chi phí này với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan. Trường hợp chi phí thực tế chưa xác định được tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam lập hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam thông báo cho người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam phải nộp tạm ứng 3 triệu đồng tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh nơi cơ quan có thẩm quyền ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam có trụ sở. Số tiền tạm ứng này được thanh toán cho chi phí thực tế theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và các chi phí phục vụ việc chuyển tiền ra nước ngoài do cơ quan thi hành án dân sự thực hiện.

Hiện dự thảo đề cương đang được Bộ Tư pháp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và của Bộ, dự kiến đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 (trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV) và thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

**1. Hỏi:** Đối tượng được tăng mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ 01/7/2023?

**Trả lời:** Theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày

29/6/2023 của Chính phủ quy định điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội

và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/7/2023, bao gồm:

- Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định 41/2009/QĐ-TTg); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn được quy định tại các văn bản: Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị định 121/2003/NĐ-CP và Nghị định 09/1998/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 50/CP năm 1995.

- Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng; người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại các văn bản: Quyết định 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định 613/QĐ-TTg năm 2010; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 206-CP năm 1979 của Hội đồng Chính phủ.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 130-CP năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định 111-HĐBT năm 1981.

- Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 38/2010/QĐ-TTg về chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.

- Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 53/2010/QĐ-TTg về chế độ đối với công an tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

- Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg về chính sách đối với người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

- Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.

- Người đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng trước năm 1995.

**2. Hỏi:** *Mức tăng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng đối với người đang nhận hằng tháng trước ngày 01/7/2023 mà đã được tăng thêm theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP?*

**Trả lời:** Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ quy định tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này đã được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

**3. Hỏi:** *Mức tăng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng đối với người đang nhận hằng tháng*

*trước ngày 01/7/2023 mà chưa được tăng thêm theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP?*

**Trả lời:** Theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ quy định tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này chưa được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

**4. Hỏi:** *Đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng trước năm 1995, sau khi thực hiện điều chỉnh mà có mức hưởng thấp hơn 3 triệu đồng/tháng được điều chỉnh tăng thêm như thế nào?*

**Trả lời:** Theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ quy định từ ngày 01/7/2023, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này, có mức hưởng thấp hơn 3 triệu đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau:

- Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 2.700.000 đồng/người/tháng;

- Tăng lên bằng 3.000.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 2.700.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.000.000 đồng/người/tháng./.